



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI BÍCH VÂN

Đ/c : 237 Hai Bà Trưng - Lê Chân - Hải Phòng

Tel: 02253 950063 / 0903 212 757 - Email : bichvan.ltd@gmail.com

Website : www.bichvan.vn

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM PHỤ TÙNG ÉP PHUN UPVC THEO TC IZO 1452

(Đầu nối thẳng phun, đầu nối ren trong, đầu nối ren trong đồng, đầu nối ren ngoài, đầu nối chuyển bạc, bạc chuyển bạc)

(Bảng giá nhựa tiền phong có hiệu lực từ ngày 01/07/2023 đến khi có thông báo thay đổi)

TT	TÊN SẢN PHẨM (DN - ĐK DANH NGHĨA - MM)	ÁP SUẤT (PN)	ĐVT	ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ
				TRƯỚC VAT	SAU VAT
	Đầu nối thẳng phun				
1	21	10.0	cái	1,200	1,296
2	21	16.0	cái	2,000	2,160
3	27	10.0	cái	1,600	1,728
4	27	16.0	cái	2,700	2,916
5	34	10.0	cái	1,800	1,944
6	34	16.0	cái	4,800	5,184
7	42	10.0	cái	3,100	3,348
8	42	16.0	cái	8,800	9,504
9	48	10.0	cái	4,000	4,320
10	48	16.0	cái	9,700	10,476
11	60	8.0	cái	6,900	7,452
12	60	16.0	cái	15,200	16,416
13	75	8.0	cái	9,400	10,152
14	75	10.0	cái	9,700	10,476
15	90	6.0	cái	12,800	13,824
16	90	10.0	cái	30,500	32,940
17	90	16.0	cái	33,700	36,396
18	110	6.0	cái	16,200	17,496
19	110	10.0	cái	45,100	48,708
20	110	16.0	cái	49,700	53,676
21	125	6.0	cái	36,400	39,312
22	125	10.0	cái	64,700	69,876
23	125	16.0	cái	78,900	85,212
24	140	6.0	cái	52,300	56,484
25	140	10.0	cái	74,800	80,784
26	140	16.0	cái	103,400	111,672
27	160	6.0	cái	74,500	80,460
28	160	10.0	cái	118,000	127,440
29	200	6.0	cái	164,700	177,876
30	200	10.0	cái	197,700	213,516
31	225	6.0	cái	199,600	215,568
	Đầu nối ren trong				0
32	21x1/2	10.0	cái	1,200	1,296
33	27x3/4	10.0	cái	1,500	1,620
34	34x1	10.0	cái	2,700	2,916

[Handwritten signature]

TT	TÊN SẢN PHẨM (DN - ĐK DANH NGHĨA - MM)	ÁP SUẤT (PN)	ĐVT	ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ
				TRƯỚC VAT	SAU VAT
35	42x1.1/4	10.0	cái	3,800	4,104
36	48x1.1/2	10.0	cái	5,400	5,832
37	60x2	6.0	cái	7,600	8,208
38	60x2	10.0	cái	8,500	9,180
39	75x2.1/2	10.0	cái	15,400	16,632
40	90x3"	6.0	cái	24,500	26,460
41	110x4"	6.0	cái	56,500	61,020
	Đầu nối ren trong đồng				0
42	21x1/2	16.0	cái	10,700	11,556
43	27x3/4	16.0	cái	14,800	15,984
44	60x2	10.0	cái	65,600	70,848
	Đầu nối ren ngoài				0
45	21x1/2	10.0	cái	1,200	1,296
46	27x3/4	10.0	cái	1,500	1,620
47	34x1	10.0	cái	2,700	2,916
48	42x1.1/4	10.0	cái	3,800	4,104
49	48x1.1/2	10.0	cái	5,400	5,832
50	60x2	10.0	cái	8,600	9,288
51	75x2.1/2	8.0	cái	9,700	10,476
52	90x3	10.0	cái	21,900	23,652
53	110x4"	6.0	cái	55,400	59,832
	Đầu nối chuyển bậc				0
54	27-21	10.0	cái	1,200	1,296
55	34-21	10.0	cái	1,700	1,836
56	34-27	10.0	cái	2,200	2,376
57	42-21	10.0	cái	2,600	2,808
58	42-27	10.0	cái	2,700	2,916
59	42-34	10.0	cái	2,900	3,132
60	48-21	10.0	cái	3,500	3,780
61	48-27	10.0	cái	3,700	3,996
62	48-34	10.0	cái	3,800	4,104
63	48-42	10.0	cái	3,900	4,212
64	60-21	8.0	cái	4,800	5,184
65	60-27	8.0	cái	5,800	6,264
66	60-34	8.0	cái	5,800	6,264
67	60-34	10.0	cái	7,500	8,100
68	60-42	8.0	cái	5,800	6,264
69	60-42	10.0	cái	6,700	7,236
70	60-48	8.0	cái	6,200	6,696
71	60-48	10.0	cái	7,900	8,532
72	75-27	8.0	cái	8,800	9,504
73	75-34	8.0	cái	9,200	9,936
74	75-34	10.0	cái	11,300	12,204
75	75-42	8.0	cái	9,200	9,936
76	75-48	8.0	cái	9,200	9,936
77	75-48	10.0	cái	14,200	15,336

TT	TÊN SẢN PHẨM (DN - ĐK DANH NGHĨA - MM)	ÁP SUẤT (PN)	ĐVT	ĐƠN GIÁ	
				TRƯỚC VAT	SAU VAT
78	75-60	8.0	cái	9,700	10,476
79	75-60	10.0	cái	14,300	15,444
80	90-34	6.0	cái	11,600	12,528
81	90-34	10.0	cái	20,300	21,924
82	90-42	6.0	cái	12,700	13,716
83	90-42	10.0	cái	17,600	19,008
84	90-48	6.0	cái	12,700	13,716
85	90-48	10.0	cái	19,800	21,384
86	90-60	6.0	cái	13,100	14,148
87	90-60	10.0	cái	19,800	21,384
88	90-75	6.0	cái	14,300	15,444
89	90-75	10.0	cái	23,900	25,812
90	110-34	6.0	cái	20,100	21,708
91	110-42	6.0	cái	19,300	20,844
92	110-48	6.0	cái	19,300	20,844
93	110-48	10.0	cái	29,100	31,428
94	110-60	6.0	cái	20,100	21,708
95	110-60	10.0	cái	30,900	33,372
96	110-75	6.0	cái	20,400	22,032
97	110-75	10.0	cái	32,000	34,560
98	110-90	6.0	cái	20,900	22,572
99	110-90	10.0	cái	34,600	37,368
100	125-75	6.0	cái	29,300	31,644
101	125-90	6.0	cái	30,900	33,372
102	125-110	6.0	cái	37,400	40,392
103	125-110	10.0	cái	61,800	66,744
104	140-90	6.0	cái	43,500	46,980
105	140-110	6.0	cái	46,000	49,680
106	140-110	10.0	cái	101,100	109,188
107	140-125	6.0	cái	54,400	58,752
108	140-125	10.0	cái	88,200	95,256
109	160-90	6.0	cái	58,500	63,180
110	160-90	10.0	cái	93,000	100,440
111	160-110	6.0	cái	60,700	65,556
112	160-110	10.0	cái	121,500	131,220
113	160-125	6.0	cái	62,000	66,960
114	160-125	10.0	cái	127,900	138,132
115	160-140	6.0	cái	64,700	69,876
116	160-140	10.0	cái	151,500	163,620
117	200-110	6.0	cái	135,400	146,232
118	200-110	10.0	cái	174,600	188,568
119	200-125	6.0	cái	136,400	147,312
120	200-140	6.0	cái	141,200	152,496
121	200-160	6.0	cái	148,700	160,596
122	200-160	10.0	cái	186,900	201,852
123	225-110	6.0	cái	158,700	171,396

371
ĐNC
HIỆN
ƯƠN
CH
T

Alkan

TT	TÊN SẢN PHẨM (DN - ĐK DANH NGHĨA - MM)	ÁP SUẤT (PN)	ĐVT	ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ
				TRƯỚC VAT	SAU VAT
124	225-160	6.0	cái	201,500	217,620
125	225-160	10.0	cái	266,500	287,820
126	250-200	6.0	cái	243,000	262,440
127	315-160	6.0	cái	509,500	550,260
128	315-200	6.0	cái	529,800	572,184
	Bạc chuyên bậc				0
129	42-21	10.0	cái	3,600	3,888
130	42-27	10.0	cái	3,600	3,888
131	42-34	10.0	cái	2,800	3,024
132	48-21	10.0	cái	5,100	5,508
133	48-27	10.0	cái	5,100	5,508
134	48-34	10.0	cái	6,300	6,804
135	48-42	10.0	cái	6,300	6,804
136	60-21	10.0	cái	8,700	9,396
137	60-27	10.0	cái	8,700	9,396
138	60-34	10.0	cái	9,500	10,260
139	60-42	10.0	cái	9,700	10,476
140	60-48	10.0	cái	7,900	8,532
141	75-34	10.0	cái	8,900	9,612
142	75-42	10.0	cái	8,900	9,612
143	75-48	10.0	cái	8,900	9,612
144	75-60	10.0	cái	8,900	9,612
145	90-34	10.0	cái	13,600	14,688
146	90-42	10.0	cái	13,600	14,688
147	90-48	10.0	cái	14,400	15,552
148	90-60	10.0	cái	15,500	16,740
149	90-75	10.0	cái	13,800	14,904
150	110-42	10.0	cái	24,300	26,244
151	110-48	10.0	cái	27,100	29,268
152	110-60	10.0	cái	28,200	30,456
153	110-75	10.0	cái	30,100	32,508
154	110-90	10.0	cái	31,800	34,344
155	125-75	10.0	cái	43,400	46,872
156	125-90	10.0	cái	43,400	46,872
157	125-110	10.0	cái	43,400	46,872
158	140-75	10.0	cái	37,600	40,608
159	140-90	10.0	cái	49,800	53,784
160	140-110	10.0	cái	49,800	53,784
161	140-125	10.0	cái	49,800	53,784
162	160-90	10.0	cái	74,600	80,568
163	160-110	10.0	cái	82,000	88,560
164	160-125	10.0	cái	82,000	88,560
165	160-140	10.0	cái	82,000	88,560
166	180-125	10.0	cái	97,000	104,760
167	180-140	6.0	cái	100,200	108,216
168	180-160	6.0	cái	100,200	108,216

TT	TÊN SẢN PHẨM (ĐN - ĐK DANH NGHĨA - MM)	ÁP SUẤT (PN)	ĐVT	ĐƠN GIÁ	
				TRƯỚC VAT	SAU VAT
169	200-110	10.0	cái	145,600	157,248
170	200-160	6.0	cái	117,200	126,576
171	200-180	10.0	cái	99,000	106,920
172	225-180	6.0	cái	172,100	185,868
173	225-200	10.0	cái	159,900	172,692
174	250-160	6.0	cái	225,900	243,972
175	250-180	6.0	cái	228,100	246,348
176	250-200	6.0	cái	241,000	260,280
177	280-200	6.0	cái	309,100	333,828
178	280-225	6.0	cái	319,800	345,384
179	280-250	6.0	cái	330,500	356,940
180	315-160	6.0	cái	437,100	472,068
181	315-280	6.0	cái	426,400	460,512
182	315-200	6.0	cái	431,800	466,344
183	315-250	6.0	cái	478,600	516,888

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ka
Đỗ Thị Thu Hà

CÔNG TY TNHH TM BÍCH VÂN



[Signature]
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Bích Vân

UNG * HINH